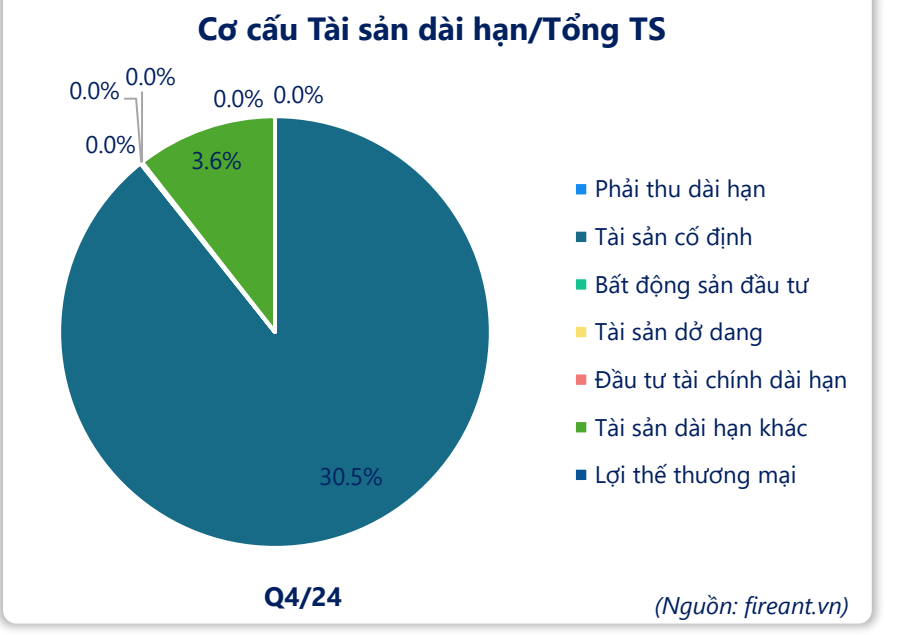
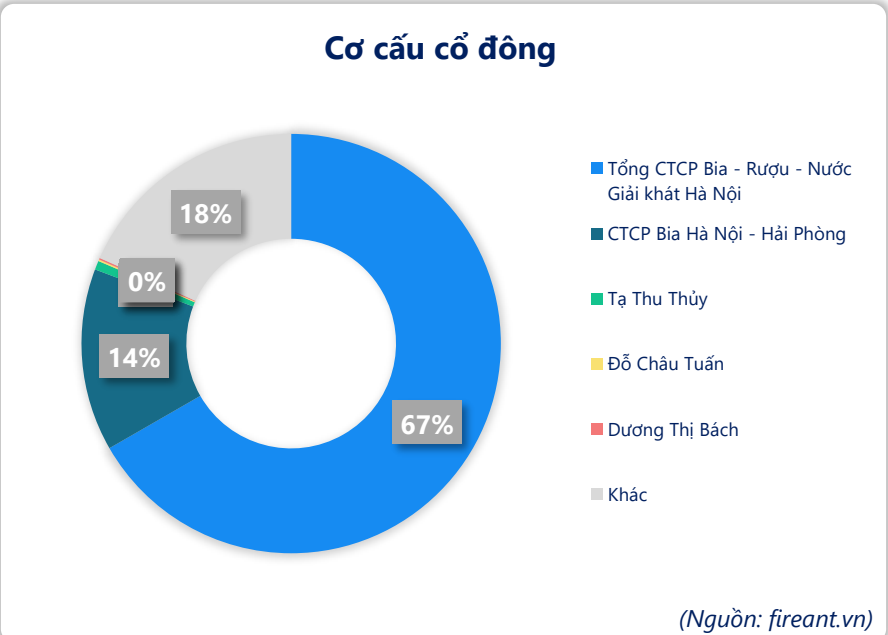
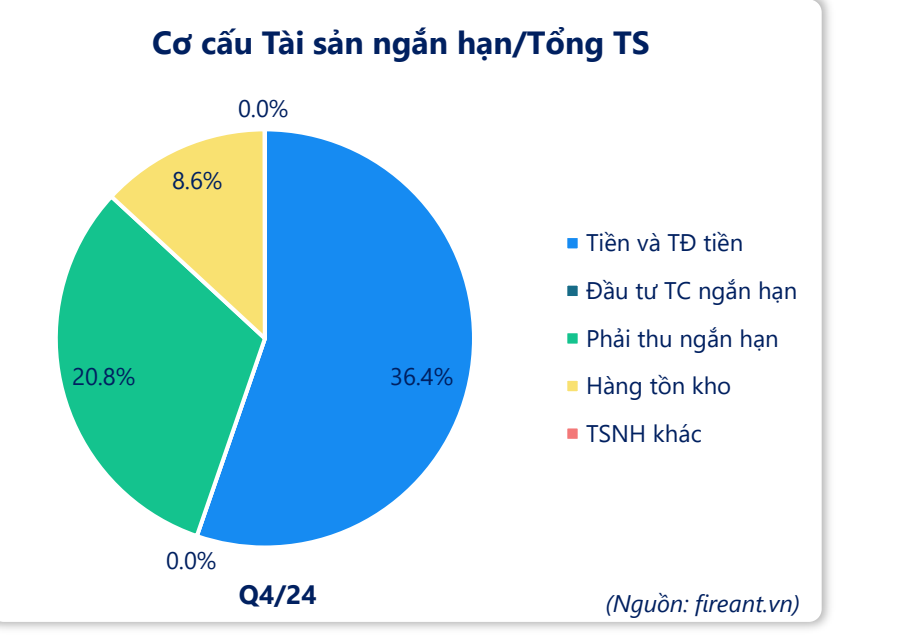
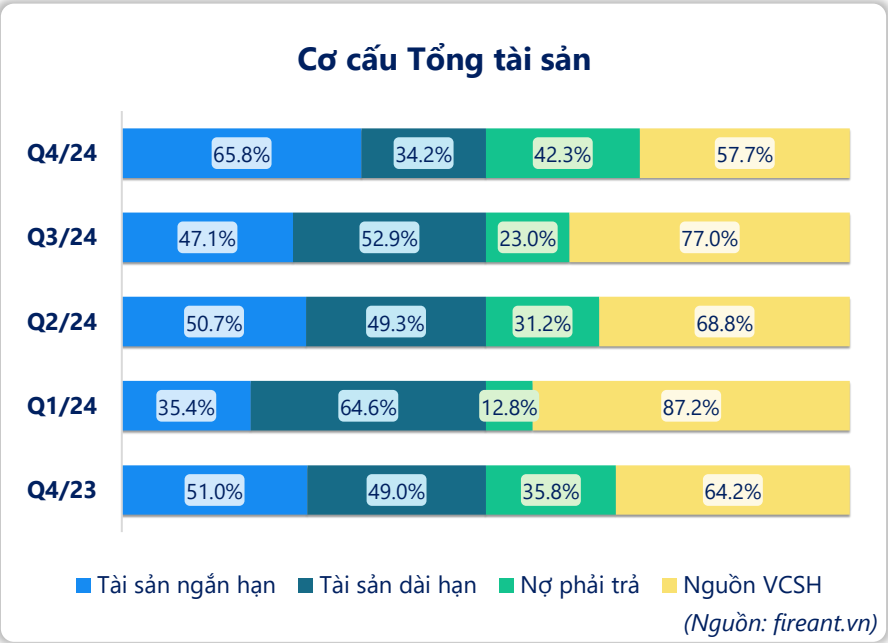
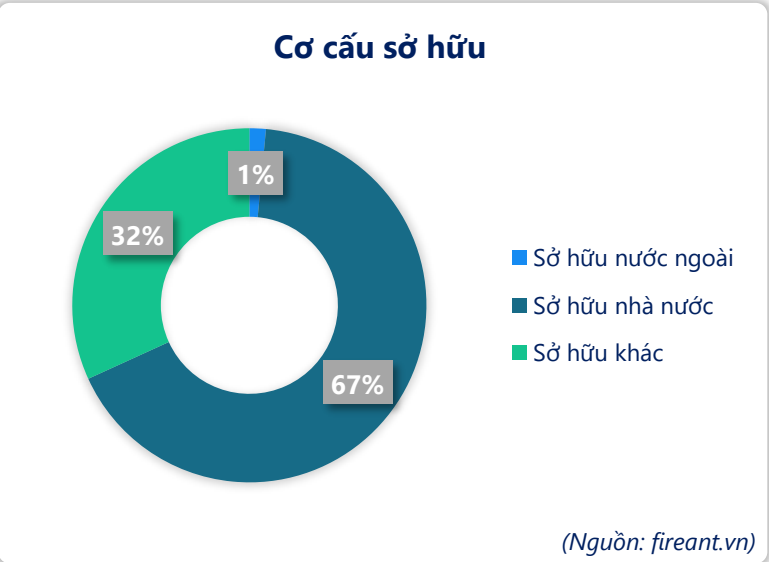
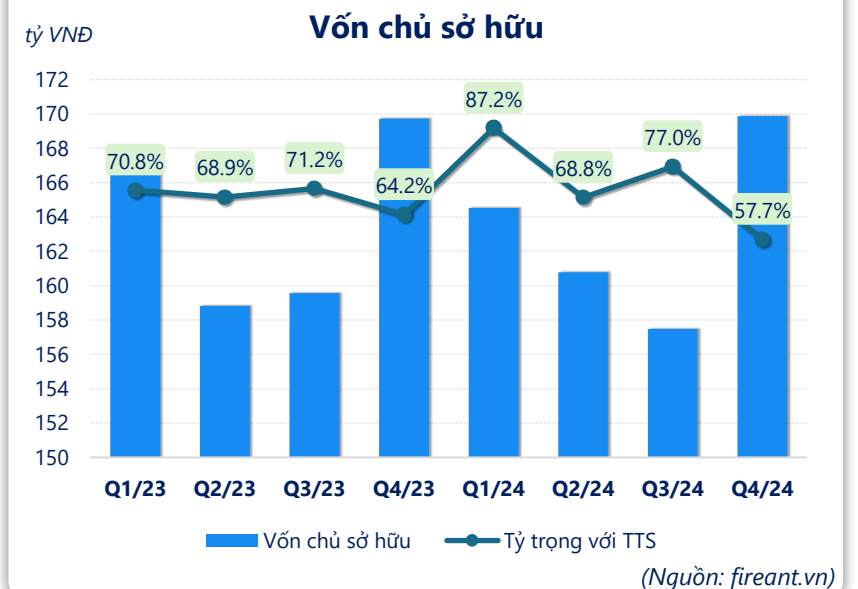
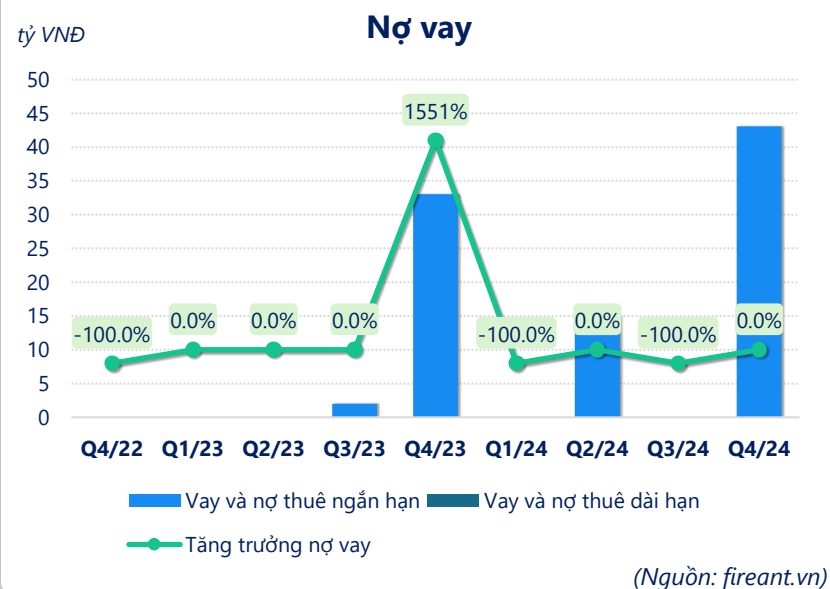
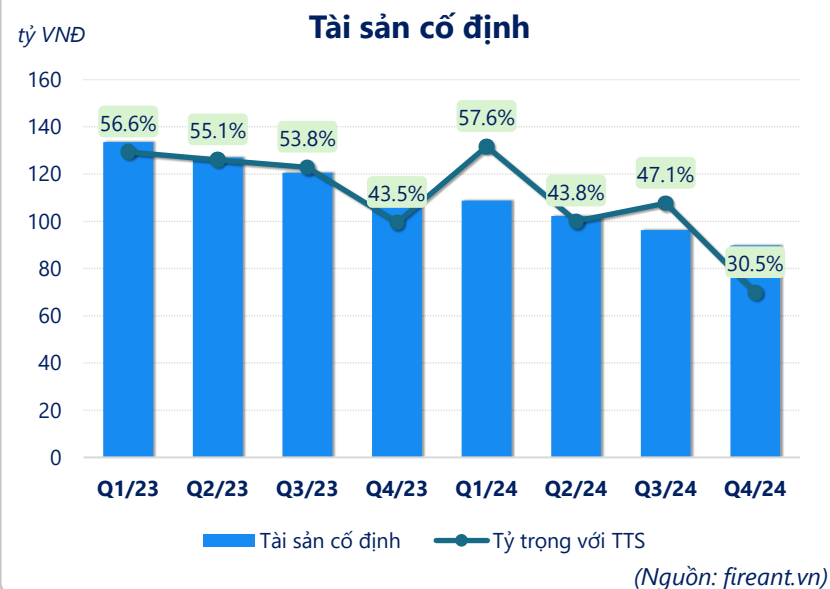
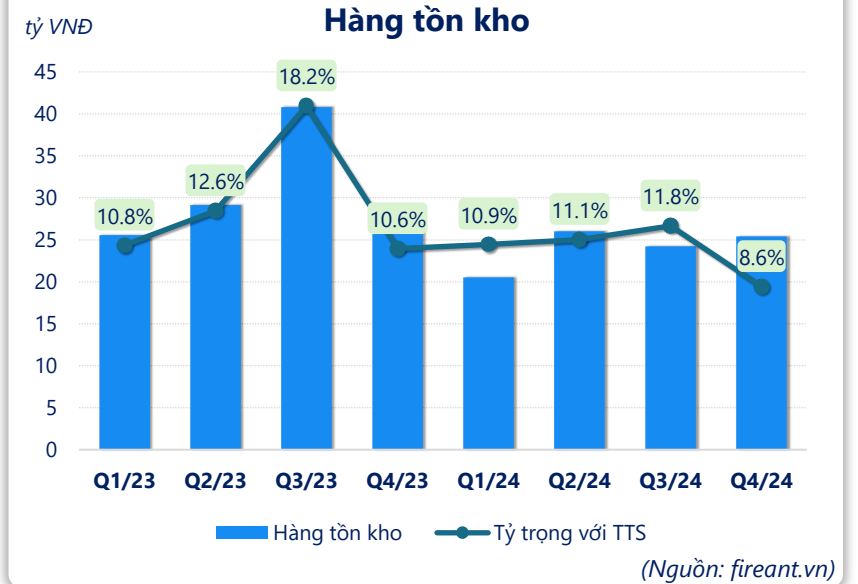
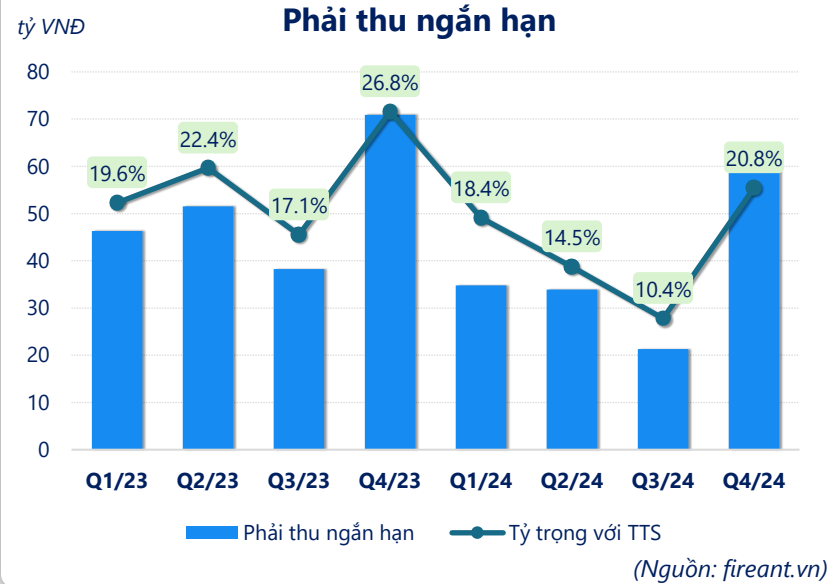
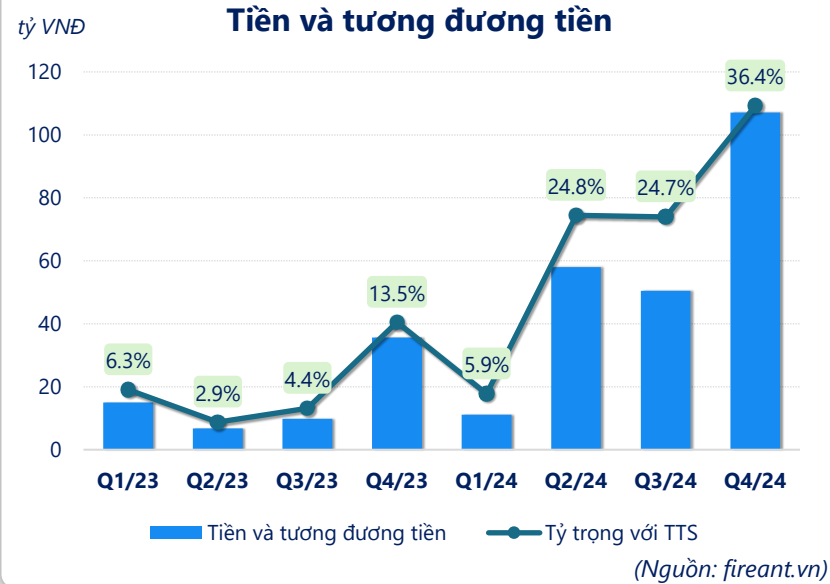
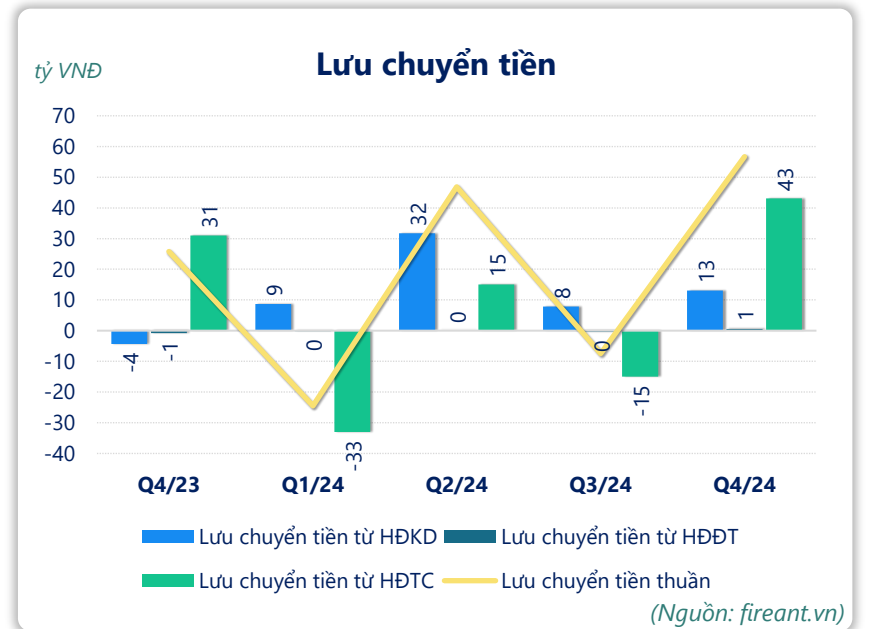
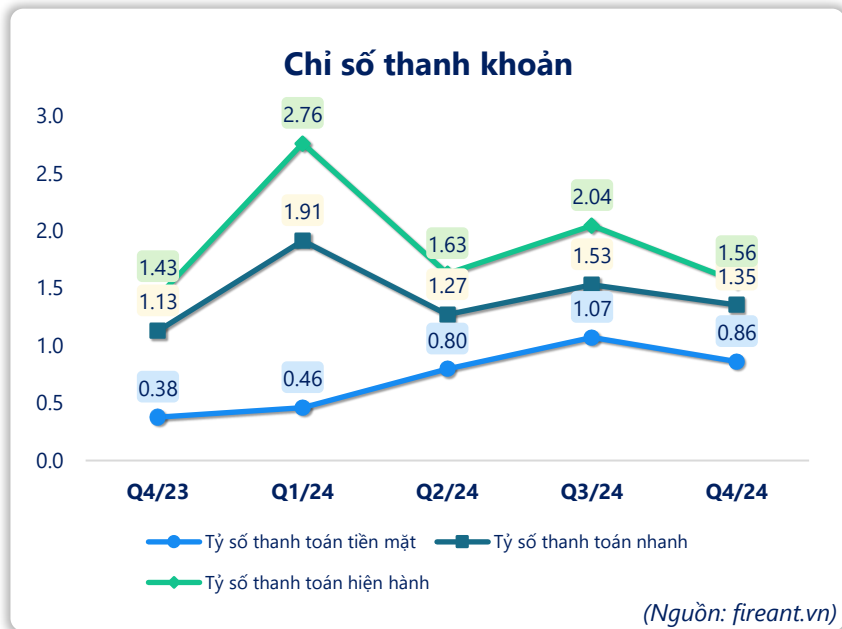
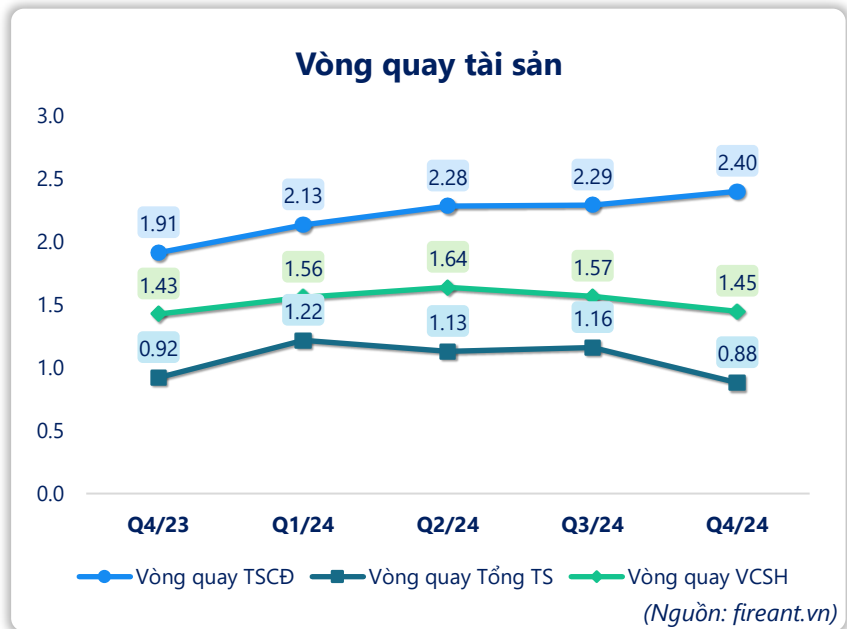
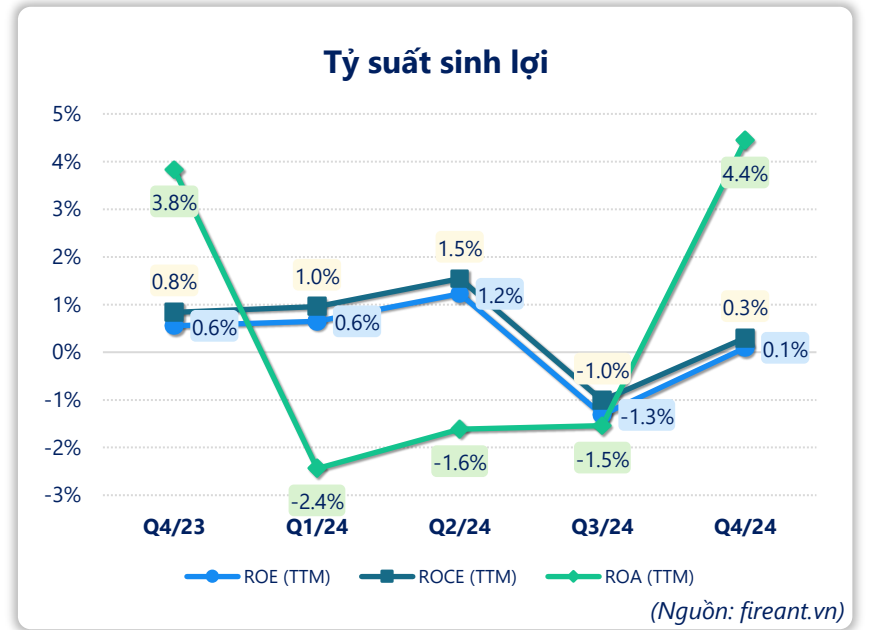
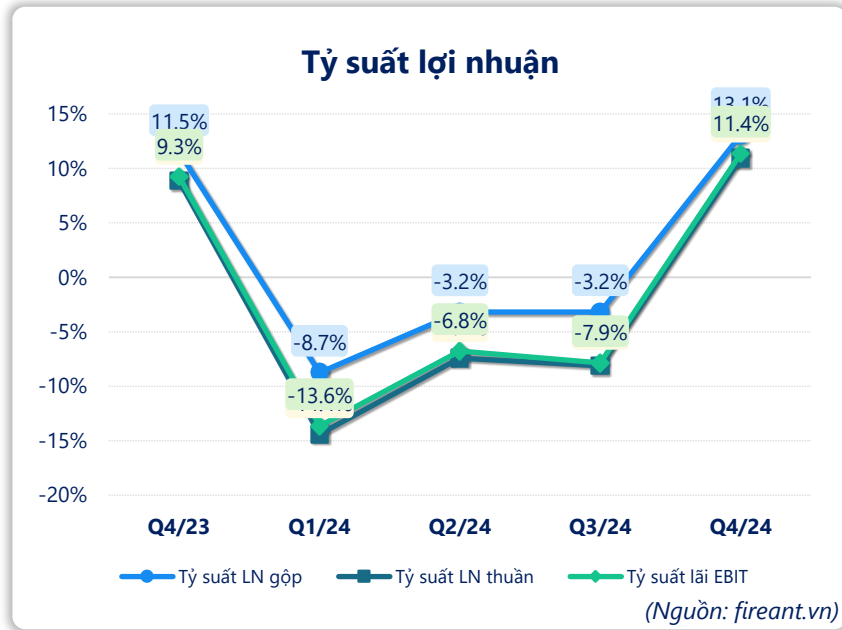
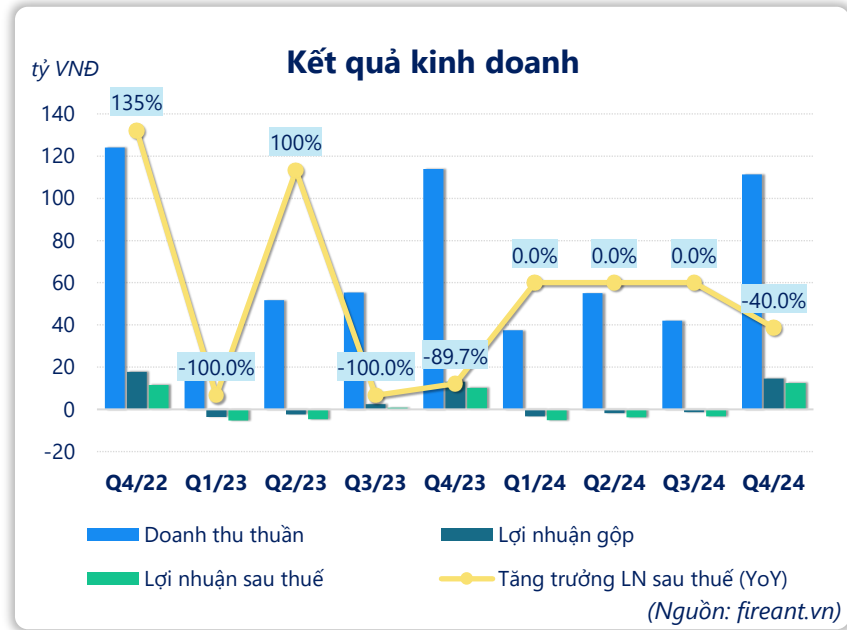


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		5,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,300
SL cổ phiếu LH		16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,685
% sở hữu nước ngoài		1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		86
P/E		551.0
EPS		10

	YTD	1T	3T	6T
HBH		8.0%	-6.9%	-10.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	294	264	11.5%
Tài sản ngắn hạn	194	135	44.0%
Tiền và tương đương tiền	107	35.6	201%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	61.2	70.8	-13.5%
Hàng tồn kho	25.4	28.1	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.04	-28.8%
Tài sản dài hạn	101	130	-22.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	89.8	115	-21.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.6	14.5	-26.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	124	94.3	31.9%
Nợ ngắn hạn	124	94.3	31.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.1	33.0	30.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.3	10.2	237%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	170	170	0.1%
Vốn chủ sở hữu	170	170	0.1%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	114	37.4	55.0	42.0	111
Giá vốn hàng bán	101	40.7	56.8	43.4	96.7
Lợi nhuận gộp	13.1	-3.28	-1.76	-1.34	14.5
Doanh thu HĐTC	0.02	0.03	0.16	0.29	0.54
Chi phí TC	0.07	0.07	0.03	0	0.07
Chi phí lãi vay	0.07	0.07	0.03	0	0.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.31	0.19	0.21	0.22	0.26
Chi phí QLDN	2.64	1.89	2.24	2.15	2.61
LN thuần từ HĐKD	10.1	-5.39	-4.08	-3.41	12.1
Lợi nhuận khác	0.37	0.21	0.33	0.11	0.45
LN trước thuế	10.5	-5.18	-3.75	-3.31	12.6
Lợi nhuận sau thuế	10.2	-5.18	-3.75	-3.31	12.4
LNST của CĐ cty mẹ	10.2	-5.18	-3.75	-3.31	12.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.37	8.72	31.7	7.81	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.84	-0.19	0.13	-0.33	0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	31.0	-33.0	15.0	-15.0	43.1
Tiền đầu kỳ	9.82	35.6	11.1	57.9	50.4
Lưu chuyển tiền thuần	25.8	-24.5	46.8	-7.51	56.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.6	11.1	57.9	50.4	107

(Nguồn: fireant.vn)